TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 340/2020/DS-PT
Ngày: 16-11-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Tón - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 391/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bạch N, sinh năm 1973; địa chỉ: đường A, khu phố N, phường B, quận T, Thành phố H. (Có mặt)

Chỗ ở hiện nay: đường S, Khóm B, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: đường P, Khóm H, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: đường P, Khóm H, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H: Anh Đặng Minh T1, sinh năm 1981; địa chỉ: đường số T, Tổ M, khu phố B, phường P, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T - Là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Bà Lê Thị Bạch N trình bày:* Bà có cho ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị H vay 500.000.000đ, các lần như sau: ngày 22/3/2018 số tiền 150.000.000đ; ngày 12/4/2018 số tiền 50.000.000đ; ngày 11/5/2018 số tiền 100.000.000đ; ngày 15/5/2018 số tiền 30.000.000đ; ngày 23/5/2018 số tiền 50.000.000đ; ngày 06/7/2018 số tiền 120.000.000đ.

Tất cả 06 lần vay đều có làm biên nhận do ông T viết và ký tên, thời hạn vay không có thỏa thuận, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Mục đích ông T, bà H vay tiền để làm vốn. Quá trình vay thì ông T, bà H có đóng lãi nhiều lần nhưng bà N không nhớ cụ thể từng lần, tổng cộng số tiền lãi là 90.000.000đ. Khi bà N yêu cầu trả tiền vay thì ông T, bà H hẹn nhưng không trả.

Nay bà N yêu cầu ông T và bà H liên đới trả cho bà số tiền vốn vay tổng cộng 500.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- *Ông Đặng Minh T (Đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H) trình bày:* Ông T, bà H không có vay số tiền 500.000.000đ của bà N. Ông T không thừa nhận chữ ký tên và viết họ tên trong 06 biên nhận do bà N giao nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, qua kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận chữ ký trong 06 biên nhận so với mẫu so sánh là do cùng một người ký ra thì ông T1 đồng ý với kết luận giám định và không có yêu cầu giám định lại.

Nay ông T, bà H không đồng ý trả số tiền 500.000.000đ theo yêu cầu khởi kiện của bà N. Trường hợp vụ án có phát sinh nghĩa vụ thì biên nhận do ai ký thì người đó có nghĩa vụ trả, người còn lại không đồng ý liên đới.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch N.

Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho bà N số tiền vốn vay 500.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Trương Thị H liên đới trả nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T nộp 24.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Bạch N nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 12.000.000đ theo biên lai thu số 0004446 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Sau khi khấu trừ hoàn trả cho bà N nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại 11.700.000đ.

Về chi phí giám định số tiền 6.435.000đ: Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí giám định (đã nộp tạm ứng và chi xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09/7/2020, ông Đặng Minh T1 đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T kháng cáo không đồng ý trả nợ cho bà N, yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Lê Thị Bạch N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung chứng cứ mới và yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Xuất phát từ chỗ quen biết nên bà N có cho ông T vay tiền tổng cộng 06 lần, ông T viết 06 biên nhận nợ, mục đích ông T vay tiền để làm ăn, trong biên nhận có chữ ký ghi họ tên ông T đầy đủ và giao cho bà N cất giữ, đây là chứng cứ quan trọng của vụ án thể hiện việc ông T có nợ tiền của bà N. Ông T không thừa nhận vay tiền của bà N và cũng không thừa nhận là chữ ký ghi họ tên trong biên nhận nợ là của ông T. Tuy nhiên, Kết luận giám định số 438/KL-KTHS ngày 25/5/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Chữ ký trong 06 biên nhận nợ so với chữ ký trong hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng ngày 11/02/2020 của ông T là do cùng một người viết ra. Như vậy có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T đã vay tiền của bà N nhiều lần để làm ăn, các lần vay tiền đều có viết biên nhận và ký tên là đúng sự thật, vì vậy buộc ông T trả bà N số tiền vốn vay 500.000.000đ là hợp lý.

Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bạch N là có căn cứ. Tại tòa phúc thẩm ông T không cung cấp tài liệu nào để xem xét nên kháng cáo không có cơ sở. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà N khởi kiện đối với ông T, bà H về việc yêu cầu trả nợ theo hợp đồng vay tài tài sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Ông T, bà H ủy quyền cho ông T1 tham gia tố tụng, thủ tục phù hợp nên chấp nhận. Theo Văn bản ủy quyền ngày 11/02/2020, ông T đã ủy quyền cho ông T1 được quyền việc kháng cáo và việc kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Nay ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nên xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Xét thấy, ông T1 đại diện cho ông T kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm xử buộc ông T trả nợ cho bà N là không có cơ sở, bởi vì:

Bà N với ông T và bà H (vợ chồng ông T) là bạn, việc bà N thỏa thuận cho ông T vay tiền được thể hiện tại các biên nhận gồm: Ngày 22/3/2018 vay 15.000.000đ; ngày 12/4/2018 vay 50.000.000đ; ngày 11/5/2018 vay 100.000.000đ; ngày 15/5/2018 vay 30.000.000đ; ngày 23/5/2018 vay 50.000.000đ; ngày 06/7/2018 vay 120.000.000đ. Nội dung biên nhận đều thể hiện ông T nhận tiền vay của bà N để làm ăn và biên nhận đều có chữ ký mang tên người lập biên nhận là ông T. Ông T1 cho rằng, chữ ký không phải của ông T ký tên, nên Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành trưng cầu giám định chữ ký theo quy định. Tại Kết luận giám định số 438/KL-KTHS ngày 25/5/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp xác định chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Văn T trong 6 biên nhận nói trên so với mẫu chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn T là do cùng một người ký, viết ra.

Theo các biên nhận vay tiền không thể hiện thỏa thuận thời hạn vay và bà N trình bày, việc thỏa thuận vay là không có thời hạn, chỉ thống nhất khi bên cho vay có yêu cầu thì bên vay phải trả đủ vốn lãi (ông T1 khai là ông T không có vay nên không có ý kiến về vấn đề này). Nay ông T1 cũng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Vì vậy ông T có trách nhiệm thanh toán tiền vốn vay cho bà N là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Đối với tiền lãi: Bà N khai lãi suất cho vay là 3%/tháng, nhưng bên vay trả tiền lãi hàng tháng không đầy đủ, không đúng thời hạn, không nhớ ngày tháng trả lãi và bà N đã nhận được số tiền lãi là 90.000.000đ. Nay bà N đồng ý chỉ nhận tiền lãi 90.000.000đ, không yêu cầu trả lãi tiếp tục. Nhận thấy, nếu áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng và tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm thì số tiền lãi mà ông T phải trả lớn hơn số tiền 90.000.000đ, vì vậy bà N không yêu cầu trả lãi tiếp là phù hợp.

[4] Đối với việc yêu cầu bà H liên đới trách nhiệm cùng với ông T trả nợ vay: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc bà H cùng liên đới trách nhiệm với ông T trả nợ, nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí: Ông T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Bạch Nga.

Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho bà Lê Thị Bạch Nga số tiền 500.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bạch N về việc yêu cầu bà Trương Thị H liên đới trách nhiệm với ông Nguyễn Văn T trả nợ.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000đ.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai

thu số 0001201 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lê Thị Bạch N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 12.000.000đ theo biên lai thu số 0004446 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng còn thừa là 11.700.000đ.

Về chi phí giám định: Bà Lê Thị Bạch N phải nộp số tiền 6.435.000đ (tự nguyện chịu, đã nộp và chi xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Tp. S;
- Chi cục THADS Tp. S;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vạng